

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Cường.

2. Ông Trần Duy Thao.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà [Trương Thị Khánh N](#) - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà [Lê Thị Cẩm V](#), sinh năm 1980; Địa chỉ: [3 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông [Lê Văn C](#), sinh năm 1964; Địa chỉ: [3 T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 6 năm 2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà [Lê Thị Cẩm V](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm V và ông Lê Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2018 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại số nhà C kiệt A N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau một thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp khiến vợ chồng hay cãi vã. Thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm gì đến nhau. Do đó, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn C.

Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm V trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Lê Ngọc Hoài A, sinh ngày 27/11/2017 và Lê Ngọc Thiên Â, sinh ngày 14/7/2021. Bà V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lê Ngọc Hoài A và Lê Ngọc Thiên Â cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Văn C biết việc bà V xin ly hôn và yêu cầu ông C cung cấp lời khai nhưng trong thời hạn luật định ông C không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T cho biết: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Lê Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống vợ chồng chị V và anh C có 02 người con chung là cháu Lê Ngọc Hoài A, sinh ngày 27/11/2017 và Lê Ngọc Thiên Â, sinh ngày 14/7/2021. Chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị V. Do đó nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị V yêu cầu ly hôn với anh C thì phía địa phương không rõ.

Do bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 25/7/2024, anh C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 08/8/2024, đồng thời tổng đạt các văn bản trên cho ông C. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà [Lê Thị Cẩm V](#) được ly hôn ông [Lê Văn C](#). Giao 02 cháu [Lê Ngọc Hoài A](#), sinh ngày 27/11/2017 và [Lê Ngọc Thiên A](#), sinh ngày 14/7/2021 cho bà [V](#) tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, ông [C](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà [Lê Thị Cẩm V](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà [Lê Thị Cẩm V](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông [Lê Văn C](#), có địa chỉ cư trú tại: [3 T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông [Lê Văn C](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà [Lê Thị Cẩm V](#) sinh năm 1980 và ông [Lê Văn C](#) sinh năm 1964 kết hôn có đăng ký, được [Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế](#) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2018. Thời điểm đăng ký kết hôn cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà [V](#) và ông [C](#) là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở trình bày của bà [Lê Thị Cẩm V](#), kết quả thu thập tài liệu chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ, chồng, thấy rằng:

Quá trình chung sống, giữa bà V và ông C đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu theo bà V trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp khiến vợ chồng hay cãi vã. Ông C không có ý kiến và nhiều lần vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác từ khi xảy ra mâu thuẫn thì ông C đã bỏ đi về nhà mẹ ruột để sinh sống, vợ chồng đã không còn sống chung. Điều này chứng tỏ ông C không có thiện chí hàn gắn, không có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà V. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lê Thị Cẩm V và ông Lê Văn C đã trầm trọng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu cho bà V được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm V và ông Lê Văn C có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Hoài A, sinh ngày 27/11/2017 và Lê Ngọc Thiên A, sinh ngày 14/7/2021. Hiện nay các cháu đang ở với bà V.

Xét yêu cầu nuôi con của chị V thấy rằng: Bà V trình bày bà có nghề nghiệp ổn định, nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho các cháu. Xét thấy hiện 02 cháu đang ở với bà V và do bà V chăm sóc, nuôi dưỡng tại địa chỉ 3 N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ và môi trường sinh hoạt, học tập của 02 cháu thì cần giao 02 cháu cho bà V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà V không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị Cẩm V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm V. Bà Lê Thị Cẩm V được ly hôn ông Lê Văn C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 cháu Lê Ngọc Hoài A, sinh ngày 27/11/2017 và Lê Ngọc Thiên A, sinh ngày 14/7/2021 cho bà Lê Thị Cẩm V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thị Cẩm V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà V đã nộp theo biên lai số 0003704 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THA DS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (ĐKKH ngày 15/8/2018);
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hằng

